

Phụ lục VI

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ
MỸ CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~104~~/2024/CBTT-MCP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

- Mã chứng khoán: MCP
- Địa chỉ: số 18, đường Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: 3961 2844 – 3961 2734 Fax: 3961 2737
- E-mail: info@mychau.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2024 của Công ty Cổ Phần In và Bao bì Mỹ Châu.

Thông tin này đã được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ Phần In và Bao bì Mỹ Châu tại đường dẫn www.mychau.com.vn ngày 14/08/2024.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-33
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-33

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Nhà máy thực phẩm xuất khẩu Mỹ Châu theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 20 tháng 12 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Bùi Thị Minh Tâm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28/06/2024
Bà Phạm Thị Thuý Phượng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28/06/2024
Bà Dương Thị Thanh Tâm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/06/2024
Bà Triệu Thị Ngọc Quỳnh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2024
Bà Phan Đỗ Hạnh	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh	Tổng Giám đốc
---------------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Minh Huyền	Trưởng ban	
Ông Lê Văn Tới	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/06/2024
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2024
Bà Phạm Ngọc Hạnh Nhung	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu được lập ngày 10 tháng 08 năm 2024, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu đã được soát xét và kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính này tại ngày 14 tháng 08 năm 2023 và tại ngày 28 tháng 03 năm 2024.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC


CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
HÀNG KIỂM TOÁN
AASC
Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc Kiểm toán
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1369-2023-002-1

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		237.777.211.087	237.818.943.441
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	6.931.417.961	11.160.504.865
111	1. Tiền		4.931.417.961	11.160.504.865
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	47.000.000.000	25.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		47.000.000.000	25.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		100.248.906.274	89.607.219.174
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	85.564.220.368	85.874.087.881
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	14.858.418.431	4.203.732.638
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	506.260.232	732.654.980
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(679.992.757)	(1.203.256.325)
140	IV. Hàng tồn kho	9	82.068.002.628	109.825.325.972
141	1. Hàng tồn kho		82.068.002.628	109.825.325.972
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.528.884.224	2.225.893.430
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.265.434.983	1.316.869.241
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	263.449.241	909.024.189
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		76.808.241.144	81.265.740.316
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.250.000	5.250.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	5.250.000	5.250.000
220	II. Tài sản cố định		22.313.153.908	24.732.426.977
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	22.313.153.908	24.732.426.977
222	- Nguyên giá		362.859.508.752	360.065.968.061
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(340.546.354.844)	(335.333.541.084)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	1.223.700.531
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	1.223.700.531
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	48.983.600.000	48.983.600.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		48.983.600.000	48.983.600.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.506.237.236	6.320.762.808
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	5.506.237.236	6.320.762.808
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		314.585.452.231	319.084.683.757

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ***Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024*
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		54.972.397.470	70.741.259.736
310	I. Nợ ngắn hạn		54.972.397.470	70.741.259.736
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	28.498.873.629	16.744.513.230
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		151.606.117	82.846.356
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	5.025.990.274	5.609.264.390
314	4. Phải trả người lao động		8.056.661.060	7.803.493.974
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	1.030.041.161	1.346.811.560
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	10.058.445.060	10.064.671.456
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	-	28.159.074.914
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.150.780.169	930.583.856
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		259.613.054.761	248.343.424.021
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	259.613.054.761	248.343.424.021
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.713.370.000	150.713.370.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>150.713.370.000</i>	<i>150.713.370.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		30.628.348.449	15.557.011.449
415	3. Cổ phiếu quỹ		(317.124.000)	(317.124.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		65.574.633.259	64.948.203.442
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.013.827.053	17.441.963.130
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>13.013.827.053</i>	<i>17.441.963.130</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		314.585.452.231	319.084.683.757


Dương Trương Thị Hồng Trinh
Người lập

Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng

Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	243.283.951.811	237.492.111.771
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	711.645.090
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		243.283.951.811	236.780.466.681
11	4. Giá vốn hàng bán	20	212.216.285.702	209.782.862.522
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.067.666.109	26.997.604.159
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.042.959.752	297.439.940
22	7. Chi phí tài chính	22	734.817.612	1.763.572.465
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		245.749.233	1.163.187.061
25	8. Chi phí bán hàng	23	7.790.644.546	7.077.993.348
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	7.324.380.842	8.388.954.096
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.260.782.861	10.064.524.190
31	11. Thu nhập khác		280.410.877	34.802.189
32	12. Chi phí khác		235.286.790	1.410
40	13. Lợi nhuận khác		45.124.087	34.800.779
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16.305.906.948	10.099.324.969
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	3.292.079.895	2.047.534.997
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>13.013.827.053</u>	<u>8.051.789.972</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	865	535

[Signature]
 Dương Trương Thị Hồng Trinh
 Người lập

[Signature]
 Nguyễn Hòa Hiệp
 Kế toán trưởng

[Signature]
 Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
 Tổng Giám đốc



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		16.305.906.948	10.099.324.969
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.212.813.760	5.529.328.731
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(157.348.473)	28.776.258
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(764.825.146)	(9.195.059)
06	- Chi phí lãi vay		245.749.233	1.163.187.061
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		20.319.032.754	16.811.421.960
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(9.568.499.550)	(4.307.174.886)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		27.757.323.344	13.327.312.566
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		9.855.816.797	(3.971.118.669)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		865.959.830	1.696.825.859
14	- Tiền lãi vay đã trả		(536.851.122)	(1.241.327.124)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.529.429.995)	(1.474.063.653)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(524.000.000)	(1.025.405.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		46.639.352.058	19.816.471.053
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.569.840.160)	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(47.000.000.000)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		25.000.000.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		860.476.112	9.195.059
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(22.709.364.048)	9.195.059
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		5.764.790.764	17.000.000.734
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(33.923.865.678)	(36.026.979.305)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(28.159.074.914)	(19.026.978.571)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(4.229.086.904)	798.687.541
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		11.160.504.865	5.267.205.138
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	1.649.983
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>6.931.417.961</u>	<u>6.067.542.662</u>





Dương Trương Thị Hồng Trinh
Người lậpNguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởngTrương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Nhà máy thực phẩm xuất khẩu Mỹ Châu theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 20 tháng 12 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 150.713.370.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 150.713.370.000 đồng; tương đương 15.071.337 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 269 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 272 người).

Lĩnh vực kinh doanh

In và sản xuất bao bì bằng kim loại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, gia công các loại bao bì bằng kim loại;
- Dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng của Công ty;
- In, tráng verni trên sắt lá;
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá;
- Bán buôn các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ);
- Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực: in, tráng verni trên sắt lá.
- Kinh doanh thương mại nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Tổng giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 tháng đến 36 tháng.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 02 tháng đến 36 tháng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí hoa hồng bán hàng... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.931.417.961	11.160.504.865
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	-
	<u>6.931.417.961</u>	<u>11.160.504.865</u>

Tại ngày 30/06/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất 2,9%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	47.000.000.000	-	25.000.000.000	-
	47.000.000.000	-	25.000.000.000	-

Tại ngày 30/06/2024, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 6 tháng với lãi suất từ 4,35%/năm đến 5,3%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Càng Rau Quả (VGP) (*)	1.972.000.000	2.456.111.802	-	1.972.000.000	2.496.641.700	-
- Công ty Cổ phần Bìa và nước giải khát Việt Hà (**)	12.586.600.000	-	-	12.586.600.000	-	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ (**)	34.425.000.000	-	-	34.425.000.000	-	-
	48.983.600.000	2.456.111.802	-	48.983.600.000	2.496.641.700	-

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên HNX tại ngày 29/12/2023 và 28/06/2024.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin về các khoản góp vốn vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ	Thành phố Hà Nội	1,40%	1,40%	Xuất nhập khẩu, thương mại
- Công ty Cổ phần Bìa và nước giải khát Việt Hà	Tỉnh Bắc Ninh	2,49%	2,49%	Sản xuất bìa và mạch nha ủ men bia
- Công ty Cổ phần Càng Rau Quả (VGP)	Tp. Hồ Chí Minh	0,81%	0,81%	Khai thác, kinh doanh cảng, kho bãi

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Đồ hộp Blue Sea	11.793.491.634	(118.390.272)	8.564.852.108	(118.390.272)
- Công ty Cổ phần Thương mại KG	11.223.925.374	-	6.617.179.769	-
- Công ty CP Đồ hộp TP	7.407.543.275	-	11.497.756.688	-
- Phải thu khách hàng khác	55.139.260.085	(561.602.485)	59.194.299.316	(1.084.866.053)
	85.564.220.368	(679.992.757)	85.874.087.881	(1.203.256.325)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Melchers Techexport GMBH	-	-	1.397.716.600	-
BAOSTEEL SINGAPORE PTE. LTD	11.664.981.416	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	3.193.437.015	-	2.806.016.038	-
	14.858.418.431	-	4.203.732.638	-

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**7 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	341.523.003	-	437.173.969	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	9.221.454	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	9.389.616	-
Tạm ứng	27.048.182	-	28.795.909	-
Phải thu khác	137.689.047	-	248.074.032	-
	<u>506.260.232</u>	<u>-</u>	<u>732.654.980</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	5.250.000	-	5.250.000	-
	<u>5.250.000</u>	<u>-</u>	<u>5.250.000</u>	<u>-</u>

8 . NỢ XẤU

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Đồ hộp Blue Sea	-	-	1.230.603.440	861.422.408
- Công ty CP Thực phẩm Gia Đình An Co	418.296.266	209.148.133	419.392.050	209.696.025
- Công ty CP Đồ hộp Blue Sea	394.634.240	276.243.968	394.634.240	276.243.968
- Các khoản khác	506.154.304	153.699.952	1.017.936.454	511.947.458
	<u>1.319.084.810</u>	<u>639.092.053</u>	<u>3.062.566.184</u>	<u>1.859.309.859</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	58.623.331.492	-	84.900.198.209	-
Công cụ, dụng cụ	2.241.517.825	-	2.276.475.095	-
Thành phẩm	21.203.153.311	-	22.648.652.668	-
	<u>82.068.002.628</u>	<u>-</u>	<u>109.825.325.972</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	10.667.980.186	340.452.201.387	7.435.141.700	863.213.045	647.431.743	360.065.968.061
- Mua trong kỳ	-	2.793.540.691	-	-	-	2.793.540.691
Số dư cuối kỳ	10.667.980.186	343.245.742.078	7.435.141.700	863.213.045	647.431.743	362.859.508.752
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	10.048.556.454	318.558.555.262	5.650.669.397	802.390.729	273.369.242	335.333.541.084
- Khấu hao trong kỳ	53.843.178	4.978.523.912	151.776.036	4.920.636	23.749.998	5.212.813.760
Số dư cuối kỳ	10.102.399.632	323.537.079.174	5.802.445.433	807.311.365	297.119.240	340.546.354.844
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	619.423.732	21.893.646.125	1.784.472.303	60.822.316	374.062.501	24.732.426.977
Tại ngày cuối kỳ	565.580.554	19.708.662.904	1.632.696.267	55.901.680	350.312.503	22.313.153.908

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 258.835.063.415 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	544.496.230	408.828.923
Chi phí bảo hiểm	263.744.815	481.214.128
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	457.193.938	426.826.190
	<u>1.265.434.983</u>	<u>1.316.869.241</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	5.447.570.330	6.118.175.125
Chi phí sửa chữa lớn nhà xưởng	18.650.006	31.083.338
Chi phí trả trước dài hạn khác	40.016.900	171.504.345
	<u>5.506.237.236</u>	<u>6.320.762.808</u>

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2024</u>		<u>01/01/2024</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
CHANGZHOU MM PACKAGE CO., LTD	6.893.186.885	6.893.186.885	-	-
HENKEL SINGAPORE PTE. LTD	3.545.918.019	3.545.918.019	3.837.544.920	3.837.544.920
AUSTIN MULTI- TRADE	3.465.145.683	3.465.145.683	1.365.334.294	1.365.334.294
Công ty TNHH GCM Packaging (Vietnam)	2.989.305.849	2.989.305.849	1.013.834.522	1.013.834.522
Các đối tượng khác	11.605.317.193	11.605.317.193	10.527.799.494	10.527.799.494
	<u>28.498.873.629</u>	<u>28.498.873.629</u>	<u>16.744.513.230</u>	<u>16.744.513.230</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	836.645.531	-	19.133.129.914	16.621.232.132	-	1.675.252.251
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	72.378.658	-	157.608.104	348.678.687	263.449.241	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.529.429.995	3.292.079.895	1.529.429.995	-	3.292.079.895
Thuế Thu nhập cá nhân	-	154.711.375	550.646.777	685.696.842	-	19.661.310
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	3.925.123.020	5.141.656.744	9.027.782.946	-	38.996.818
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	909.024.189	5.609.264.390	28.278.121.434	28.215.820.602	263.449.241	5.025.990.274

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	291.101.889
- Trích trước chi phí hoa hồng bán hàng	1.030.041.161	993.209.671
- Chi phí phải trả khác	-	62.500.000
	1.030.041.161	1.346.811.560

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	89.801.405	285.989.557
- Kinh phí công đoàn	532.226.247	728.118.265
- Bảo hiểm xã hội	473.836.649	-
- Bảo hiểm y tế	76.271.823	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	38.063.300	197.298
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.394.298.278	8.495.894.180
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	453.947.358	554.472.156
	10.058.445.060	10.064.671.456

16 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP Hồ Chí Minh	28.159.074.914	28.159.074.914	5.764.790.764	33.923.865.678	-	-
	28.159.074.914	28.159.074.914	5.764.790.764	33.923.865.678	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	54.796.833.014	11.279.300.476	232.029.390.939
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	8.051.789.972	8.051.789.972
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	10.151.370.428	(11.279.300.476)	(1.127.930.048)
Số dư cuối kỳ trước	<u>150.713.370.000</u>	<u>15.557.011.449</u>	<u>(317.124.000)</u>	<u>64.948.203.442</u>	<u>8.051.789.972</u>	<u>238.953.250.863</u>
Số dư đầu năm nay	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	64.948.203.442	17.441.963.130	248.343.424.021
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	13.013.827.053	13.013.827.053
Phân phối lợi nhuận	-	15.071.337.000	-	626.429.817	(17.441.963.130)	(1.744.196.313)
Số dư cuối kỳ này	<u>150.713.370.000</u>	<u>30.628.348.449</u>	<u>(317.124.000)</u>	<u>65.574.633.259</u>	<u>13.013.827.053</u>	<u>259.613.054.761</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ
		VND		VND
Công ty CP Hòn Ngọc Á Châu	24,64%	37.135.000.000	24,64%	37.135.000.000
Ông Trần Quang Huy	24,58%	37.044.460.000	24,58%	37.044.460.000
Bà Phan Đỗ Hạnh	13,99%	21.080.000.000	13,99%	21.080.000.000
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	11,94%	18.000.000.000	11,94%	18.000.000.000
Các cổ đông khác	24,73%	37.266.690.000	24,73%	37.266.690.000
Cổ phiếu quỹ	0,12%	187.220.000	0,12%	187.220.000
	100%	150.713.370.000	100%	150.713.370.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>150.713.370.000</i>	<i>150.713.370.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>150.713.370.000</i>	<i>150.713.370.000</i>

d) Cổ phiếu

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.071.337	15.071.337
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.071.337	15.071.337
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.071.337</i>	<i>15.071.337</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	18.722	18.722
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.722</i>	<i>18.722</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.052.615	15.052.615
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.052.615</i>	<i>15.052.615</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	65.574.633.259	64.948.203.442
	65.574.633.259	64.948.203.442

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê đất tại số 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh. Diện tích khu đất thuê là 33.410 m². Theo đó Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo thông báo tiền thuê đất của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

b)	Ngoại tệ các loại	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	- Đồng đô la Mỹ (USD)	4.879,80	9.239,19
c)	Nợ khó đòi đã xử lý	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
		VND	VND
	Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất nhập khẩu Kiên Giang	233.874.352	233.874.352
	Công ty TNHH Bao bì Sammiguel Yamamura	330.870.543	330.870.543
	Các đối tượng khác	82.355.452	82.355.452
19	. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	<u>06 tháng đầu năm 2024</u>	<u>06 tháng đầu năm 2023</u>
		VND	VND
	Doanh thu bán thành phẩm	205.490.816.046	203.428.637.730
	Doanh thu bán hàng	11.158.213.825	8.839.192.459
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.449.302.705	13.904.488.744
	Doanh thu khác	12.185.619.235	11.319.792.838
		<u>243.283.951.811</u>	<u>237.492.111.771</u>
20	. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	<u>06 tháng đầu năm 2024</u>	<u>06 tháng đầu năm 2023</u>
		VND	VND
	Giá vốn của thành phẩm đã bán	174.521.666.588	180.174.291.160
	Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.480.526.261	6.643.416.502
	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.185.010.773	11.564.636.335
	Giá vốn khác	12.029.082.080	11.400.518.525
		<u>212.216.285.702</u>	<u>209.782.862.522</u>
21	. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	<u>06 tháng đầu năm 2024</u>	<u>06 tháng đầu năm 2023</u>
		VND	VND
	Lãi tiền gửi, lãi cho vay	764.825.146	9.195.059
	Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	120.786.133	288.244.881
	Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	157.348.473	-
		<u>1.042.959.752</u>	<u>297.439.940</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	245.749.233	1.163.187.061
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	489.068.379	438.808.235
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	161.577.169
	734.817.612	1.763.572.465

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.048.686.275	2.078.313.959
Chi phí nhân công	1.666.070.124	1.693.758.811
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.945.118	126.734.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.513.313.931	3.084.041.492
Chi phí khác bằng tiền	2.499.629.098	95.144.470
	7.790.644.546	7.077.993.348

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	322.217.930	263.466.277
Chi phí nhân công	4.495.917.707	5.115.477.649
Chi phí khấu hao tài sản cố định	177.647.155	186.375.798
Thuế, phí, lệ phí	1.062.559.402	677.815.842
Hoàn nhập dự phòng	(523.263.568)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.623.983.540	1.706.814.985
Chi phí khác bằng tiền	165.318.676	439.003.545
	7.324.380.842	8.388.954.096

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.305.906.948	10.099.324.969
Các khoản điều chỉnh tăng	275.278.661	140.000.000
- Chi phí không hợp lệ	275.278.661	140.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(120.786.133)	(1.649.983)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(120.786.133)	(1.649.983)
Thu nhập chịu thuế TNDN	16.460.399.476	10.237.674.986
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	3.292.079.895	2.047.534.997
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.529.429.995	1.474.063.653
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(1.529.429.995)	(1.474.063.653)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	3.292.079.895	2.047.534.997

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	13.013.827.053	8.051.789.972
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	13.013.827.053	8.051.789.972
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.052.615	15.052.615
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	865	535

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	159.540.374.616	170.573.894.395
Chi phí nhân công	29.555.350.203	28.188.142.399
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.212.813.760	5.529.328.731
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.892.503.285	17.090.726.853
Chi phí khác bằng tiền	3.727.507.176	1.303.170.773
	216.928.549.040	222.685.263.151

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2024				
Đầu tư dài hạn	-	2.456.111.802	-	2.456.111.802
	-	2.456.111.802	-	2.456.111.802
Tại ngày 01/01/2024				
Đầu tư dài hạn	-	2.496.641.700	-	2.496.641.700
	-	2.496.641.700	-	2.496.641.700

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.931.417.961	-	-	6.931.417.961
Phải thu khách hàng, phải thu khác	85.390.487.843	5.250.000	-	85.395.737.843
Các khoản cho vay	47.000.000.000	-	-	47.000.000.000
	139.321.905.804	5.250.000	-	139.327.155.804
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền	11.160.504.865	-	-	11.160.504.865
Phải thu khách hàng, phải thu khác	85.403.486.536	5.250.000	-	85.408.736.536
Các khoản cho vay	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000
	121.563.991.401	5.250.000	-	121.569.241.401

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2024				
Phải trả người bán, phải trả khác	38.557.318.689	-	-	38.557.318.689
Chi phí phải trả	1.030.041.161	-	-	1.030.041.161
	39.587.359.850	-	-	39.587.359.850
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	28.159.074.914	-	-	28.159.074.914
Phải trả người bán, phải trả khác	26.809.184.686	-	-	26.809.184.686
Chi phí phải trả	1.346.811.560	-	-	1.346.811.560
	56.315.071.160	-	-	56.315.071.160

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty như sau:

	Mối quan hệ	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Bà Phạm Thị Thuý Phương	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/6/2024)	387.000.000	448.230.630
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/4/2023)	-	40.000.000
Bà Triệu Thị Ngọc Quỳnh	Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/6/2024)	20.000.000	-
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/4/2023)	-	26.666.667
Ông Nguyễn Nam Thái	Ủy viên HĐQT (Bỏ nhiệm ngày 27/4/2023; Miễn nhiệm ngày 29/8/2023)	-	13.333.333
Bà Phan Đỗ Hạnh	Ủy viên HĐQT	20.000.000	40.000.000
Bà Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh	Tổng giám đốc	389.224.263	308.230.630
Thù lao của Ban kiểm soát		32.500.000	70.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

Dương Trương Thị Hồng Trinh
Người lập

Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng



Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2024